

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2024
V/v “Ly hôn giữa bà T với ông V”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Thạch Thị T1 T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bung Tróp B, xã AH, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10/7/2024.

* **Bị đơn:** **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Việc Giữa, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ông V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 17/7/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/5/2024, những lời khai trong quá trình tố tụng, bà T trình bày:

Bà Thạch Thị T1 T với ông Nguyễn Minh V tự nguyện chung sống với nhau

vào năm 2002, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ông V đánh đập vợ con. Bà T cố gắng hàn gắn thuyết phục ông V để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ, chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, bà Thạch Thị T1 T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh V.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 18/10/2002; Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 13/9/2009; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 16/9/2013. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu ông Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu B. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị T1 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre đối với ông Nguyễn Minh V, ông V trình bày:

Ông V thống nhất với bà T về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà Thạch Thị T1 T đi làm ăn xa, ông V yêu cầu bà T về nhà chung sống, tuy nhiên bà T không đồng ý. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện tại, ông V không còn tình cảm vợ chồng với bà T nữa. Bà T yêu cầu ly hôn, ông V đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 18/10/2002; Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 13/9/2009; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 16/9/2013. Sau khi ly hôn, ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bé N và cháu Nguyễn Quốc B. Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị T1 T đối với ông Nguyễn Minh V.

Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 13/9/2009; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 16/9/2013 để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu. Riêng cháu Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông V về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thông nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, bà Thạch Thị T1 T và ông Nguyễn Minh V đều yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Thạch Thị T1 T với ông Nguyễn Minh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà T với ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, nguyên nhân là do bà Thạch Thị T1 T đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập bà T với ông V để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cả hai đương sự đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Điều đó cho thấy hai bên đã không còn quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà T với ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 18/10/2002; Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 13/9/2009; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 16/9/2013. Bà T đồng ý để ông V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bé N và cháu Nguyễn Quốc B, đồng thời sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu B trên 07 tuổi, cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu N và cháu B cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ. Riêng cháu Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị T1 T đối với ông Nguyễn Minh V.

Cho ly hôn giữa bà Thạch Thị T1 T đối với ông Nguyễn Minh V.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị T1 T với ông Nguyễn Minh V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh V được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 13/9/2009; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 16/9/2013. Riêng cháu Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ông V trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Thạch Thị T1 T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu T số 0001820 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, bà Thạch Thị T1 T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự bà Thạch Thị T1 T, ông Nguyễn Minh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã TL;
- (Số 47/2013, ngày 15/7/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi